

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 119/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị L, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường T, phường B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: phường B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh T, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: đường T, phường B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị L và anh T có 01 người con chung tên là P, sinh ngày 23/9/2010. Chị L và anh T thoả thuận giao cháu P cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì anh T còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và

thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/000376 ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả lại cho chị L số tiền chênh lệch tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh T phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã H;
- Thi hành án dân sự thị xã H;
- Ủy ban nhân dân phường B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Văn Hạnh